TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/DS-PT
Ngày: 26 – 02 – 2024
V/v tranh chấp "Chia thừa kế quyền sử dụng đất và căn nhà gắn liền với đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Hùng

Ông Lê Phan Công Trí

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Minh Thu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 240/2023/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp "Chia thừa kế quyền sử dụng đất và căn nhà gắn liền với đất"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 176/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 238/2023/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn Tr, sinh năm 1950. Địa chỉ: K1, P1, thị xã GR, tỉnh BL.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn Tr: Bà Nguyễn Thị Chúc L, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số 01, K3, P2, thành phố BL, tỉnh BL.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn Tr: Ông Nguyễn Chí Th, là Luật sư của Công ty Luật TNHH Nguyên và Công Sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông Trần Tấn B, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số 75/371, K10, P1, thành phố BL, tỉnh BL.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Tấn B: Ông Nguyễn Duy S là Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Thái Sơn thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Ỵ, sinh năm 1941. Địa chỉ: K10, P1, thành phố BL, tỉnh BL.

2. Bà Trần Thị Ch, sinh năm 1946. Địa chỉ: Số 44, K1, P3, thành phố BL, tỉnh BL

3. Ông Trần Văn Th, sinh năm 1950. Địa chỉ: K1, P1, thị xã GR, tỉnh BL *(chết ngày 23/02/2022)*

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn Th:

3.1. Bà Trần Thị Kim M, sinh năm 1960

3.2. Chị Trần Thị Mỹ Ng, sinh năm 1987

3.3. Anh Trần Thái Q, sinh năm 1989

3.4. Anh Trần Thái S, sinh năm 1998

Cùng địa chỉ: K1, P1, thị xã GR, tỉnh BL

4. Ông Trần Minh Đ, sinh năm 1953. Địa chỉ: K1, P1, thị xã GR, tỉnh BL

5. Bà Trần Thị H, sinh năm 1958. Địa chỉ: K1, P1, thị xã GR, tỉnh BL.

6. Bà Lâm Thị X, sinh năm 1952. Địa chỉ: Số 75/371, Kh10, P1, thành phố BL, tỉnh BL *(chết ngày 26/4/2022)*

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lâm Thị X:

6.1. Ông Trần Tấn L, sinh năm 1969

6.2. Ông Trần Tấn T, sinh năm 1970

6.3. Ông Trần Tấn B, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: K10, P 1, thành phố BL, tỉnh BL.

7. Ông Trần Tấn L, sinh năm 1969. Địa chỉ: K10, P 1, thành phố BL, tỉnh BL.

8. Ông Trần Tấn T, sinh năm 1970. Địa chỉ: K10, P 1, thành phố BL, tỉnh BL.

9. Bà Lâm Thị Th, sinh nhăm 1976

10. Chị Trần Thị Mỹ T, sinh năm 1998

11. Em Trần Thị Mỹ H, sinh năm 2010

12. Chị Trần Thị Mỹ T, sinh năm 2004

13. Anh Phan Văn Th, sinh năm 1996

Cùng địa chỉ: K10, P 1, thành phố BL, tỉnh BL.

Người đại diện theo pháp luật của em Trần Thị Mỹ H: Ông B và bà Th *(là cha mẹ ruột)*

14. Ông Trần Ph, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số 330, đường Cao Văn L, P2, thành phố BL, tỉnh BL.

15. Ông Nguyễn Kiệt T. Địa chỉ: Ấp Nhà Th, xã Hưng Th, huyện VL, tỉnh BL.

- Người kháng cáo: Ông Trần Văn Tr là nguyên đơn.

(Ông Tr; ông B; bà Thắm; người đại diện theo ủy quyền của ông Tr; Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tr, ông B có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Trần Ngô T (Trần Văn T) sinh năm 1916, chết năm 1994 và bà Tạ Thị K sinh năm 1920, chết năm 1978. Cụ T và cụ K có 08 người con gồm Trần Thị Y, bà Trần Thị Ch, ông Trần Văn Kh (chết năm 2013), ông Trần Văn Tr, ông Trần Văn Th (chết năm 2021), ông Trần Văn H (chết năm 1976, không có vợ, con), ông Trần Minh Đ, bà Trần Thị H.

Cụ T và cụ K có khối tài sản chung gồm: Quyền sử dụng đất 21 công tầm cấy, khoảng 27.000m^2, tọa lạc tại K10, P1, thành phố BL, tỉnh BL và căn nhà trên đất. Phần đất này cụ T đứng tên bằng khoán do chế độ cũ cấp (không còn lưu giữ). Cụ T và cụ K chết không để lại di chúc.

Theo đơn khởi kiện ông Tr yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản của cụ T và cụ K chết để lại, cụ thể như sau: Quyền sử dụng đất diện tích 27.000m^2 và căn nhà gắn liền với đất, đất tọa lạc tại K10, P 1, thành phố BL, tỉnh BL.

Yêu cầu chia thành 07 phần cho 07 người con của cụ T, cụ K.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu chia thừa kế đối với các phần đất qua đo đạc được thực tế như sau:

- Diện tích 545,2m^2, 622,8m^2 thuộc một phần thửa đất số 36, 68, 142, 160, 164, tờ bản đồ số 61 lập năm 2017. Đây là phần đất khu mộ.

- Diện tích 1389,3m^2 thuộc thửa đất số 655, tờ bản đồ số 8. Đất trống.

- Diện tích 686,7m^2 thuộc thửa đất số 786, tờ bản đồ số 8. Trên đất có căn nhà yêu cầu chia thừa kế.

Tổng diện tích quyền sử dụng đất yêu cầu chia thừa kế là 3.244m^2 và căn nhà trên đất. Yêu cầu chia làm 07 phần cho các con của cụ T và cụ K.

Phần đất có căn nhà đồng ý giao cho người thừa kế của ông Kh, hai phần đất còn lại là phần đất trống và đất khu mộ giao cho các anh em còn lại của ông Kh gồm ông Tr, ông Th, ông Đ, bà Ch, bà H, bà Ỵ. Người thừa kế của ông Kh có nghĩa vụ hoàn lại phần chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất được nhận.

Xin rút lại yêu cầu chia thừa kế đối với phần diện tích đất 23.756m^2.

Bị đơn ông Trần Tấn B trình bày: Không đồng ý yêu cầu chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn. Vì phần đất hiện ông B đang sử dụng qua đo đạc thực tế đã nêu trên là của ông Trần Văn Kh, là cha ruột ông cho lại ông. Phần đất này có nguồn gốc từ ông bà nội là ông Trần Ngô T và bà Tạ Thị K cho ông Kh từ trước năm 1975. Ông Kh đã sử dụng từ trước năm 1975, đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định, đến năm 1993 ông Kh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn căn nhà trên đất là do vợ chồng ông tự xây dựng nên, không phải là của ông bà nội, do đó không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu ông Tr.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Th là bà Trần Thị Kim M trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Thống nhất với trình bày và yêu cầu của ông Tr. Tại phiên tòa, bà M xác định không yêu cầu gì trong vụ việc chia thừa kế của ông Tr. Yêu cầu ông B giao trả lại cho ông Th phần đất ngang 20m và dài 20 trong phần đất hiện nay ông B đang quản lý. Lý do yêu cầu: Phần đất ông B hiện đang quản lý có nguồn gốc từ cụ T và cụ K, là che mẹ ruột ông Th, là cha mẹ chồng của bà giao cho ông Kh quản lý, ông Kh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ông Kh còn sống đã hứa cho ông Th phần đất ngang 20m và dài 20m nhưng chưa thực hiện. Nay ông Kh đã chết, ông B quản lý đất của ông Kh thì phải có trách nhiệm trả lại đất cho ông Th phần đất này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Bà H thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Tr.

Cụ T và cụ K có 08 người con gồm Trần Thị Ỵ, bà Trần Thị Ch, ông Trần Văn Kh (chết năm 2013), ông Trần Văn Tr, ông Trần Văn Th (chết năm 2021), ông Trần Văn H (chết năm 1976, không có vợ, con), ông Trần Minh Đ, bà H. Ngoài ra, không có con chung hay riêng nào khác.

Cụ T và cụ K có tạo lập được phần đất khoảng 21 công, tương đương 27.000m^2 và căn nhà 03 gian trên đất. Nhà xây dựng bằng cột gỗ, mái tol, nền

trán xi măng, vách thiếc, không biết diện tích bao nhiêu, ngang khoảng 15m, dài khoảng trên 20m. Hiện tại căn này không còn. Ông Trần Văn Kh là người con trai lớn của cụ T, cụ K ở trên đất, sau khi ông Kh chết thì con ông Kh là ông Trần Tấn B đang ở trên đất. Khi cụ T và cụ K chết không để lại di chúc và cũng chưa chia tài sản này cho ai. Cụ T và cụ K trước khi chết sống cùng với ông Th tại Giá Rai. Phần đất cụ T để lại cụ T đã được cấp bằng khoán đất theo luật người cày có ruộng, cụ T đã giao lại bằng khoán cho ông Kh.

Tại phiên tòa bà H vắng mặt nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ch trình bày theo biên bản lấy lời khai ngày 27/9/2023: Đối với yêu cầu của ông Tr, bà Ch không có ý kiến và không có yêu cầu gì trong vụ án.

Cụ T và cụ K có 08 người con gồm Trần Thị Ỵ, bà Trần Thị H, ông Trần Văn Kh (chết năm 2013), ông Trần Văn Tr, ông Trần Văn Th (chết năm 2021), ông Trần Văn H (chết năm 1976, không có vợ, con), ông Trần Minh Đ, bà Ch. Ngoài ra, không có con chung hay riêng nào khác.

Cụ T và cụ K có tạo lập được phần đất hiện ông B đang quản lý và và căn nhà trên đất. Căn nhà này ông B đã tháo dỡ bỏ xây lại nhà mới như hiện nay. Hiện căn nhà của cụ T, cụ K đã không còn. Cha mẹ là cụ T, cụ K để lại phần đất và nhà cho ông Trần Văn Kh quản lý, chưa phân chia. Khi cụ T và cụ K chết không để lại di chúc và cũng chưa chia tài sản này cho ai. Cụ T và cụ K trước khi chết sống cùng với ông Th tại thị xã Giá Rai và ông Kh tại thành phố Bạc Liêu, sống ở hai nơi. Do bà ở riêng nên không biết cha mẹ có cho ông Kh phần đất đó hay không.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Đ trình bày theo biên bản lấy lời khai ngày 27/9/2023: Ông Đ thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Tr. Yêu cầu được nhận hiện vật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ỵ vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày. Con của bà Ỵ xác định bà Ỵ đang bị bệnh nên không đồng ý cho Tòa án tiến hành lấy lời khai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Ph trình bày theo biên bản lấy lời khai ngày 18/9/2023: Năm 2022 ông Ph có nhận chuyển nhượng phần đất có diện tích 198.7m^2, thửa 160 tờ bản đồ 61 tọa lạc tại Hẻm 3, đường Hương Lộ 6, K10, P 1, thành phố BL, tỉnh BL. Người chuyển nhượng không nhớ. Ông đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DĐ 254477 ngày 30/5/2022. Ông Ph xác định phần đất của ông không nằm trong những phần đất có tranh chấp hiện nay. Do đó, ông Ph không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án.

Từ nội dung trên, Bản án số 176/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Tr về việc chia thừa kế quyền sử dụng đất 2.670,6m^2 và căn nhà trên đất, đất tại K10, P 1, thành phố BL, tỉnh BL.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Tr về việc chia thừa kế quyền sử dụng đất đối với khu đất có mồ mã trên đất có diện tích 573,4m^2, thửa đất số 142, 68, tờ bản đồ 61, tại K10, P 1, thành phố BL, tỉnh BL.

3. Xác định di sản ông Trần Văn T chết để lại là khu đất có mồ mã, có diện tích 573,4m^2, thửa đất số 142, 68, tờ bản đồ 61, tại K10, P 1, thành phố BL, tỉnh BL.

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn Tr về việc giao phần đất có diện tích 573,4m^2, thửa đất số 142, 68, tờ bản đồ 61, tại Khóm 10, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu cho cá nhân ông Trần Văn Tr quản lý, sử dụng.

5. Giao phần đất có mồ mã trên đất, có diện tích 573,4m^2, thửa đất số 142, 68, tờ bản đồ 61, tại Khóm 10, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn T và bà Tạ Thị K gồm ông Trần Văn Tr; ông Trần Minh Đ; bà Trần Thị Y; bà Trần Thị H; bà Trần Thị Ch; các con ông Trần Văn Th là chị Trần Thị Mỹ Ng, anh Trần Thái Q, anh Trần Thái S; các con ông Trần Văn Kh là ông Trần Tấn B, ông Trần Tấn Lộc, ông Trần Tấn T cùng quản lý, sử dụng để chăm sóc khu mộ.

Phần đất có vị trí như sau:

Hướng Đông giáp thửa đất số 42, tờ bản đồ số 61 có số đo 13,46m, 16,1m;

Hướng Tây giáp đất thửa số 72, 71, 70, 69, 68, 87, 88, 89 tờ bản đồ số 61 có số đo 6,74m, 8,05m, 14,90m;

Hướng Bắc giáp với thửa đất số 36 tờ bản đồ số 61 có số đo 14m; giáp với thửa đất số 42 tờ bản đồ số 61 có số đo 7,2m;

Hướng Nam giáp thửa đất số 36, 164 tờ bản đồ số 61 có số đo 24,04m.

Những người được giao đất nêu trên được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định pháp luật.

6. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đã rút của ông Trần Văn Tr đối với diện tích đất là 23.756m^2, đất tại K10, P 1, thành phố BL, tỉnh BL.

7. Không xem xét yêu cầu độc lập phát sinh tại phiên tòa sơ thẩm của bà Trần Thị Kim M đối với ông Trần Tấn B về việc yêu cầu ông Trần Tấn B trả lại phần đất ngang 20m x dài 20m, đất tại K10, P 1, thành phố BL, tỉnh BL.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 10 năm 2023, ông Trần Văn Tr kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Trần Văn Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày ý kiến tranh luận: Tại Biên bản hòa giải cơ sở ngày 03/6/2016 tại Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố Bạc Liêu, bà Trần Thị Ỵ xác định cụ T, cụ K cho ông Trần Văn Kh (cha bị đơn) phần đất tranh chấp, ông Tr có ký tên vào biên bản. Tuy nhiên, việc ký tên này là xác nhận lời trình bày của mình chứ không xác nhận lời trình bày của bà Ỵ. Ông Kh có chuyển nhượng cho ông Tr phần đất vào năm 2011 nhưng ông Tr không biết nguồn gốc đất. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Tr theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tr.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn Tr trình bày ý kiến tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử công bố chứng cứ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lần đầu cho ông Trần Văn Kh; thống nhất với ý kiến trình bày của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Tr.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày ý kiến tranh luận: Phần đất ông Tr yêu cầu chia thừa kế không phải là di sản thừa kế của cụ T và cụ K chết để lại. Phần đất này tuy có nguồn gốc từ cụ T và cụ K nhưng cụ T và cụ K đã cho ông Kh, ông Kh đã sử dụng phần đất này trên 40 năm, đã đăng ký đất đai và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng. Cụ T và cụ K khi còn sống cũng không sống cùng ông Kh mà sống cùng ông Th tại GR. Ông Tr cũng đã nhận chuyển nhượng một phần đất của ông Kh vào năm 2011 trong tổng diện tích đất ông Kh đang quản lý có nguồn gốc từ cụ T và cụ K, khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Kh, ông Tr không có ý kiến phản đối gì. Nên Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Tr cho rằng ông Tr không biết nguồn gốc đất là không phù hợp. Đối với căn nhà trên đất hiện nay là của ông B xây dựng, không phải của cụ T, cụ K. Cho nên, yêu cầu khởi kiện của ông Tr không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Tr, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn Tr, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 176/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Trần Văn Tr còn trong hạn luật định và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do; xét thấy sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng các đương sự nêu trên.

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất diện tích 23.756m^2, đất tọa lạc tại K10, P 1, thành phố BL, tỉnh BL. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút nêu trên của nguyên đơn là có căn cứ.

Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xem xét đối với yêu cầu của ông Tr về việc chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 2.670,6m^2 và căn nhà gắn liền với đất; phần đất có hai khu mộ trên đất diện tích 537,4m^2, đất tại K10, P 1, thành phố BL, tỉnh BL.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/11/2022 và Mặt bằng hiện trạng phần đất tranh chấp lập ngày 05/12/2022, phần đất đo đạc tọa lạc tại Khóm 10, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, cụ thể như sau:

*** Phần thứ nhất (có căn nhà gắn liền với đất):** Diện tích 686,7m^2 thuộc thửa đất số 786, tờ bản đồ số 8, đã được Ủy ban nhân dân thành phố Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông Trần Tấn B ngày 10/12/2013. Phần đất có vị trí cụ thể như sau:

- Hướng Đông giáp thửa đất số 40, tờ bản đồ số 8 có số đo 17,35m, 18,6m, 11,92m;

- Hướng Tây giáp đất thửa số 160, 161, 95 tờ bản đồ số 8 có số đo 17,7m, 18,31m, 11,68m;

- Hướng Nam giáp đường Cách Mạng có số đo 6,55m; giáp với thửa đất số 94, 93, 92 tờ bản đồ số 8 có số đo 12,65m;

- Hướng Bắc giáp với thửa đất số 36, 151 tờ bản đồ số 8 có số đo 9,83m, 3,21m, 13,02m.

Trên đất có:

- Nhà chính loại III, kết cấu khung sườn bê tông cốt thép, mái tol, nền gạch men, vách xây tường dán gạch, diện tích 209,8m^2.

- Nhà trọ loại III kết cấu khung cột bê tông cốt thép, mái tol, nền gạch men, vách xây tường dán gạch, diện tích 201,8m^2.

- Đường đi láng xi măng, diện tích 160,3m^2.

- Mái che khung sường sắt, mái tot thiếc, diện tích 96,85m^2.

Toàn bộ tài sản trên đất do ông B xây dựng.

*** Phần thứ hai:** Được chia thành 03 phần nhỏ, cụ thể:

+ Phần đất diện tích 548,91m^2, thuộc một phần thửa đất số 36, 160, 164, tờ bản đồ số 61. Phần đất có vị trí cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp thửa đất số 160, tờ bản đồ số 61 có số đo 20,08m;

Hướng Tây giáp đất thửa số 89, 90, 91, 98, 109 tờ bản đồ số 61 có số đo 21,56m;

Hướng Nam giáp thửa đất số 36, 160 tờ bản đồ số 61 có số đo 25,68m;

Hướng Bắc giáp với thửa đất số 142 tờ bản đồ số 61 (phần kế tiếp sau) có số đo 24,04m, giáp với thửa đất số 42, tờ bản đồ số 61 có số đo 3,03m.

Hiện trạng trên đất: Đất trống.

+ Phần đất diện tích 573,4m^2 thuộc một phần thửa đất số 68, 142, tờ bản đồ số 61. Phần đất có vị trí cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp thửa đất số 42, tờ bản đồ số 61 có số đo 13,46m, 16,1m;

Hướng Tây giáp đất thửa số 72, 71, 70, 69, 68, 87, 88, 89 tờ bản đồ số 61 có số đo 6,74m, 8,05m, 14,90m;

Hướng Nam giáp thửa đất số 36, 164 tờ bản đồ số 61 (phần đất đã nêu phần trên) có số đo 24,04m;

Hướng Bắc giáp với thửa đất số 36 tờ bản đồ số 61 (phần đất nêu tại phần sau) có số đo 14m; giáp với thửa đất số 42 tờ bản đồ số 61 có số đo 7,2m.

Hiện trạng trên đất: Có 02 khu mộ. Khu thứ nhất có 04 ngôi mộ đá chôn cất ông Trần Ngô T (cha ông Tr, ông nội ông B), bà Tạ Thị K (mẹ ông Tr, bà nội ông B), ông Trần Văn Kh và bà Trần Thị X (là cha mẹ ông B). Khu mộ thứ hai có 05 ngôi mộ đá chôn cất ông Trần Văn H (em ông Tr, chú ông B), bà Nguyễn Hải O (chị dâu ông B), ông Trần Văn H (là em ông B), ông Trần Tấn T (là anh ông B).

+ Phần đất diện tích 46,6m^2 thuộc một phần thửa đất số 36 tờ bản đồ số 61. Phần đất có vị trí cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp thửa đất số 42, tờ bản đồ số 61 có số đo 3,43m;

Hướng Tây giáp đất thửa số 72 tờ bản đồ số 61 có số đo 3,33m;

Hướng Nam giáp thửa đất số 142 tờ bản đồ số 61 (phần đất đã nêu trên) có số đo 14m;

Hướng Bắc giáp với thửa đất số 36 tờ bản đồ số 61 có số đo 13,92m.

Hiện trạng trên đất: Đất trống

*** Phần thứ ba:** Diện tích 1.389,3m^2 thuộc thửa đất số 655, tờ bản đồ số 8, đã được Ủy ban nhân dân thành phố Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông Trần Tấn B ngày 15/7/2014. Phần đất có vị trí cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp thửa đất số 147, tờ bản đồ số 8 có số đo 37,75m;

Hướng Tây giáp đất thửa số 138, 149 tờ bản đồ số 8 có số đo 36,37m;

Hướng Nam giáp thửa đất số 141 tờ bản đồ số 8 có số đo 10m, 26,57m;

Hướng Bắc giáp với thửa đất số 144 tờ bản đồ số 8 có số đo 39,26m.

Hiện trạng trên đất: Là cái ao nuôi cá, không có công trình xây dựng trên đất.

Theo văn bản số 1050/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 07/8/2023, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bạc Liêu xác định như sau:

Theo Sổ mục kê Phường 1 được Sở Tài Nguyên và Môi trường Bạc Liêu phê duyệt ngày 25/01/2017 thì thửa đất số 36 - tờ bản đồ 61 diện tích 4250,4m^2 tên kê khai Trần Văn Kh; Thửa đất số 68 - tờ bản đồ 61, diện tích 50,4m^2 không có ai đăng ký kê khai, Thửa đất số 142 - tờ bản đồ 61, diện tích 907,0m^2 không

có ai đăng ký kê khai; Thửa đất số 160 - tờ bản đồ 61, diện tích 198,7m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận cho ông Trần Ph, được tách từ thửa 36 – tờ bản đồ số 61 và Thửa đất số 164 - tờ bản đồ 61, diện tích 126,0m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận cho ông Nguyễn Kiệt T, được tách từ thửa 36 - tờ bản đồ 61.

Đối chiếu hồ sơ địa chính lưu tại Chi nhánh thì thửa 655 - tờ bản đồ 08 đã được tách từ một phần thửa 187 – tờ bản đồ 08 vào năm 2011. Trong khi đó, thửa 187 — tờ bản đồ 08 được tách một phần thửa 149 và một phần thửa 173 – tờ bản đồ 08. Thửa 187 – tờ bản đồ 08 đã được Ủy ban nhân dân thành phố Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 593835 ngày 07/09/2011 cấp cho hộ ông Trần Văn Kh với diện tích 3833,0m^2.

Đối chiếu hồ sơ địa chính lưu tại Chi nhánh thì thửa 786 - tờ bản đồ 08 đã được tách từ 1 phần thửa 473 - tờ bản đồ 08 vào năm 2013. Trong khi đó, thửa 473 - tờ bản đồ 08 được tách một phần thửa 174 - tờ bản đồ 08. Thửa 473 - tờ bản đồ 08 đã được Ủy ban nhân dân thành phố Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 264419 ngày 02/03/2012 cấp cho ông Trần Văn Kh tại thửa 473 – tờ bản đồ 08 với diện tích 4172,30m^2.

Đối chiếu Bản vẽ mặt bằng hiện trạng phần đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bạc Liêu lập ngày 05/12/2022 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 264419 cấp cho ông Trần Văn Kh, Chi nhánh xác định phần diện tích đất tranh chấp 548,91m^2 + 46,6m^2 + 686,7m^2 = 1282,21m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận số BI 264419 cho ông Trần Văn Kh tại thửa đất 473 - tờ bản đồ số 08.

Đối chiếu Bản vẽ mặt bằng hiện trạng phần đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bạc Liêu lập ngày 05/12/2022 và Giấy chứng nhận quyền sử số BG 593835 cấp cho hộ ông Trần Văn Kh thì phần đất tranh chấp 1389,3m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận số BG 593835 cấp cho hộ ông Trần Văn Kh tại thửa 187 - tờ bản đồ 08.

[2.2] Xét kháng cáo của ông Trần Văn Tr không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, thấy rằng:

** Đối với yêu cầu chia di sản quyền sử dụng đất diện tích 2.670,6m^2, đất tại Khóm 10, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu:*

[2.2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định guồn gốc đất tranh chấp là của cụ Trần Văn T và cụ Tạ Thị K khai phá.

Qua lời trình bày của bà Trần Thị Kim M là vợ ông Trần Văn Th, bà M xác định: *đã sống cùng ông Th hơn 40 năm, trước khi cưới bà M thì ông Th*

sống với bà Ch tại nhà bà Ch, ông Kh và gia đình sinh sống và quản lý tại phần đất có tranh chấp. Cụ T thì sống tại GR và có đi về BL đến nhà các con.

Qua xác minh những người sống lân cận tại khu vực khóm 10, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, gần nhà ông Trần Văn Kh, thấy rằng: Ông Tạ Kim Q, sinh năm 1967, ông Q sinh ra và lớn lên tại Khóm 10, Phường 1, cha ông là em ruột của cụ Tạ Thị K. Ông Tạ Ngọc H, sinh năm 1955, ông H sinh ra và lớn lên tại Khóm 10, Phường 1. Ông Q và ông H xác định: *Nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa ông Tr và ông B là của ông bà của cụ K để lại cho cụ K, trên đất có một căn nhà của cụ T, cụ K; cụ T và cụ K đã giao cho ông Kh quản lý, cụ T và cụ K sinh sống làm nghề hàng đáy tại huyện Giá Rai (nay là thị xã Giá Rai). Nhà và đất tại Khóm 10, Phường 1, thành phố Bạc Liêu ông Kh sinh sống, quản lý đến khi chết thì giao lại cho con ông Kh quản lý đến nay. Việc cụ T, cụ K có cho đất cho ông Kh hay không thì không biết.*

Qua xác minh những người sống lâu năm tại K1, P1, thị xã GR, tỉnh BL thấy rằng: Ông Nguyễn Đôn H, sinh năm 1963, ông H sinh sống tại địa phương từ năm 1980, là hàng xóm của gia đình cụ T, ông Th, bà H, gia đình cụ T làm hàng đáy tại địa phương. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1964, ông Th sinh sống tại địa phương từ năm 1981, sống gần nhà ông Th, được nghe ông Th kể lại cụ T sống cùng ông Th, cụ T làm nghề hàng đáy tại địa phương.

Qua đó cho thấy có sự việc ông Kh đã quản lý, sử dụng phần đất có tranh chấp hiện nay từ trước khi cụ T và cụ K còn sống, cụ T và cụ K không sống cùng ông Kh mà sống tại huyện Giá Rai (nay là thị xã Giá Rai).

Mặt khác, tại biên bản hòa giải ngày 03/6/2016 (Bút lục 31, 33) tại Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố Bạc Liêu, bà Trần Thị Ỵ là chị của ông Tr và ông Kh xác định: *Phần đất mà ông Tr tranh chấp tại Khóm 10, Phường 1 là của cha mẹ bà đã cho ông Kh, ông Kh cho lại ông B là đúng.*

Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Tr cho rằng việc ông Tr ký tên vào Biên bản hòa giải nêu trên là xác nhận lời trình bày của mình chứ không xác nhận lời trình bày của bà Ỵ là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, việc ông Kh được cụ T và cụ K cho đất và ông Kh đã quản lý sử dụng phần đất này từ khi cụ T và cụ K còn sống là có căn cứ chấp nhận.

[2.2.2] Trong các thửa đất ông Tr yêu cầu chia thừa kế chỉ có một phần thửa đất số 68 diện tích 5,4m^2 và một phần thửa đất số 142 diện tích 568m^2, là khu đất có hai khu mộ không có ai kê khai, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ai. Các phần đất còn lại đều do ông Trần Văn Kh đăng ký kê khai trên sổ mục kê ở các thửa đất số 149, 160, 173, 174, 187 tờ bản đồ số 08 lập năm 1997, từ các thửa này theo các hệ thống các tờ bản đồ mới lập sau đã đổi và tách thành các thửa như hiện nay; ông Kh cũng đã được cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất từ năm 1999, sau đó ông Kh đã nhiều lần tách thửa, đăng ý cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã tặng cho ông B, ông B cũng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thời điểm ông Kh, ông B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phát sinh tranh chấp hay khiếu nại.

[2.2.3] Trong các phần đất ông Kh được cấp Giấy chứng nhận quyền sử đất, ông Kh đã chuyển nhượng cho nhiều người, trong đó có ông Trần Văn Tr. Cụ thể vào ngày 13/4/2011, ông Kh đã chuyển nhượng cho ông Trần Văn Tr thửa đất số 160 diện tích 479m^2 (trong tổng diện tích đất ông Kh đang quản lý có nguồn gốc của cụ T và cụ K), ông Tr cũng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/5/2011. Phần đất ông Tr nhận chuyển nhượng từ ông Kh giáp với thửa đất số 187. Thửa đất 655 (cái ao), là phần đất có tranh chấp hiện nay cũng được tách ra từ một phần đất của thửa 187. Qua đó cho thấy ông Tr biết được việc ông Kh đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đồng ý nhận chuyển nhượng đất từ ông Kh, ông Tr không có ý kiến phản đối về việc đất này là của cụ T, cụ K chết để lại, là di sản thừa kế chưa chia, mặc nhiên thừa nhận là đất của ông Kh. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Tr cho rằng ông Tr khi nhận chuyển nhượng đất từ ông Kh không biết rõ nguồn gốc đất là không phù hợp.

[2.2.4] Từ phân tích trên, ông Tr yêu cầu chia thừa kế là không có căn cứ chấp nhận. Bởi vì phần đất ông Tr yêu cầu chia thừa kế không phải là di sản thừa kế cụ T và cụ K chết để lại. Phần đất này tuy có nguồn gốc từ cụ T và cụ K nhưng cụ T và cụ K đã cho ông Trần Văn Kh (cha bị đơn), ông Kh đã sử dụng phần đất này trên 40 năm, đã đăng ký đất đai và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng. Cụ T và cụ K khi còn sống cũng không sống cùng ông Kh mà sống cùng ông Trần Văn Thành tại Giá Rai. Mặt khác, ông Tr cũng đã nhận chuyển nhượng một phần đất của ông Kh, có nguồn gốc từ cụ T và cụ K, khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Kh, ông Tr không có ý kiến phản đối gì. Do đó, không có căn cứ xác định những phần đất ông Kh đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là di sản thừa kế của cụ T và cụ K. Sau đó, ông Kh tặng cho con Trần Tấn B và ông B cũng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Tr về việc chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 2.670,6m^2 là phù hợp, đúng quy định pháp luật. Ông Tr kháng cáo không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

** Đối với yêu cầu của ông Tr chia di sản căn nhà gắn liền với đất do gia đình ông Trần Tấn B đang quản lý, sử dụng:*

[2.2.5] Các đương sự đều xác định: Căn nhà của cụ T, cụ K không còn, căn nhà hiện tại là do ông B xây dựng nên không có cơ sở xác định là di sản của cụ T, cụ K. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tr là có

căn cứ. Ông Tr kháng cáo không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

** Đối với yêu cầu của ông Tr chia di sản phần đất có hai khu mộ diện tích 573,4m^2, thuộc một phần thửa đất số 142, 68, tờ bản đồ số 61:*

[2.2.6] Đối với phần đất có hai khu mộ trên đất diện tích 573,4m^2, thuộc một phần thửa đất số 142, 68, không ai đăng ký kê khai, ông Kh quản lý, sau đó là ông B quản lý nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng. Các đương sự cũng xác định khu đất này ông bà để lại làm nơi chôn người thân khi mất. Ông B xác định ông quản lý khu mộ này từ khi ông Kh chết nên không đồng ý chia thừa kế, ông muốn tiếp tục được quản lý. Từ lời trình bày của các đương sự thấy rằng khu đất có mộ này là đất cụ T, cụ K để lại dùng làm nơi chôn cất người thân trong gia đình và thực tế có có nhiều ngôi mộ trên đó, mộ cụ T, cụ K, ông Kh, bà X chôn gần sát cạnh nhau tại một khu mộ, nên việc chia tách đất các ngôi mộ ra là không thể thực hiện được. Hơn nữa, qua bản vẽ mặt bằng thể hiện, phần đất khu mộ được vây bọc bởi nhiều thửa đất khác, nếu chia nhỏ không đảm bảo việc sử dụng, mục đích sử dụng đất. Các con cháu của cụ T và cụ K đều có trách nhiệm và quyền hạn đối với đất khu mộ này. Do đó cần thiết giao toàn bộ phần đất khu mộ cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ T, cụ K gồm ông Tr, bà Ỵ, bà Ch, ông Đ, bà H, các con ông Kh, các con ông Th cùng quản lý, sử dụng chung để thuận tiện trong việc cúng bái, thăm nom các ngôi mộ trên đất. Không chấp nhận yêu cầu của ông Tr về việc giao phần đất này cho cá nhân ông Tr quản lý, sử dụng. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Tr.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Tr cung cấp tài liệu mới gồm: Bản sao lục Họa đồ vị trí và Trích sao sổ địa bộ (bản photo có chứng thực) thể hiện hiện trạng đất trước năm 1975. Người đại diện theo ủy quyền của ông Tr cho rằng tài liệu nêu trên chứng minh nguồn gốc đất là do cụ T đứng tên trong sổ địa bộ thời Pháp. Xét thấy, tài liệu này chỉ mang tính chất tham khảo vì chưa có căn cứ chứng minh phần đất cụ T đứng tên trong sổ địa bộ nêu trên là phần đất hiện nay đang có tranh chấp và cũng chưa được cơ quan chuyên môn có thẩm quyền hiện nay xác định phần đất cụ T đứng tên trong sổ địa bộ với phần đất hiện nay đang có tranh chấp là cùng một phần đất. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận tài liệu nêu trên là chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[4] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn Tr, không có căn cứ chấp nhận ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, có căn cứ chấp nhận ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, Kiểm sát viên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm số 176/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu không bị kháng cáo kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do ông Trần Văn Tr là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn Tr. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 176/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

Căn cứ Khoản 5 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166; khoản 2 Điều 201; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 203 Luật đất đai;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Tr về việc chia thừa kế quyền sử dụng đất 2.670,6m^2 và căn nhà trên đất, đất tại K10, P 1, thành phố BL, tỉnh BL.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Tr về việc chia thừa kế quyền sử dụng đất đối với khu đất có mồ mã trên đất có diện tích 573,4m^2, thửa đất số 142, 68, tờ bản đồ 61, tại K10, P 1, thành phố BL, tỉnh BL.

3. Xác định di sản cụ Trần Văn T chết để lại là khu đất có mồ mã, có diện tích 573,4m^2, thửa đất số 142, 68, tờ bản đồ 61, tại K10, P 1, thành phố BL, tỉnh BL.

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn Tr về việc giao phần đất có diện tích 573,4m^2, thửa đất số 142, 68, tờ bản đồ 61, tại Khóm 10, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu cho cá nhân ông Trần Văn Tr quản lý, sử dụng.

5. Giao phần đất có mồ mã trên đất, có diện tích 573,4m^2, thửa đất số 142, 68, tờ bản đồ 61, tại Khóm 10, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu cho

hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Văn T và cụ Tạ Thị K gồm ông Trần Văn Tr; ông Trần Minh Đ; bà Trần Thị Ỵ; bà Trần Thị H; bà Trần Thị Ch; các con ông Trần Văn Th là chị Trần Thị Mỹ Ng, anh Trần Thái Q, anh Trần Thái S; các con ông Trần Văn Kh là ông Trần Tấn B, ông Trần Tấn L, ông Trần Tấn T cùng quản lý, sử dụng để chăm sóc khu mộ.

Phần đất có vị trí như sau:

Hướng Đông giáp thửa đất số 42, tờ bản đồ số 61 có số đo 13,46m, 16,1m;

Hướng Tây giáp đất thửa số 72, 71, 70, 69, 68, 87, 88, 89 tờ bản đồ số 61 có số đo 6,74m, 8,05m, 14,90m;

Hướng Nam giáp thửa đất số 36, 164 tờ bản đồ số 61 có số đo 24,04m;

Hướng Bắc giáp với thửa đất số 36 tờ bản đồ số 61 có số đo 14m; giáp với thửa đất số 42 tờ bản đồ số 61 có số đo 7,2m.

Những người được giao đất nêu trên được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định pháp luật.

6. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đã rút của ông Trần Văn Tr đối với diện tích đất là 23.756m^2, đất tại K10, P 1, thành phố BL, tỉnh BL.

7. Không xem xét yêu cầu độc lập phát sinh tại phiên tòa sơ thẩm của bà Trần Thị Kim M đối với ông Trần Tấn B về việc yêu cầu ông Trần Tấn B trả lại phần đất ngang 20m x dài 20m, đất tại K10, P 1, thành phố BL, tỉnh BL.

8. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp là 8.323.000 đồng.

Ông Tr phải chịu số tiền là 7.063.000 đồng.

Ông Trần Minh Đ; bà Trần Thị Ỵ; bà Trần Thị H; bà Trần Thị Ch mỗi người phải chịu số tiền là 210.000 đồng.

Chị Trần Thị Mỹ Ng, anh Trần Thái Q, anh Trần Thái S phải chịu tiền là 210.000 đồng.

Ông Trần Tấn B, ông Trần Tấn L, ông Trần Tấn T phải chịu số tiền là 210.000 đồng.

Ông Tr đã nộp đủ và đã chi phí hết nên buộc ông Trần Minh Đ, bà Trần Thị Ỵ, bà Trần Thị H, bà Trần Thị Ch mỗi người phải trả lại cho ông Tr số tiền là 210.000 đồng; chị Trần Thị Mỹ Ng, anh Trần Thái Q, anh Trần Thái S cùng trả lại cho ông Tr số tiền là 210.000 đồng; ông Trần Tấn B, ông Trần Tấn L, ông Trần Tấn T cùng trả lại cho ông Tr số tiền là 210.000 đồng.

9. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

10. Về án phí:

10.1 Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Trần Văn Tr được miễn nộp án phí.

- Ông Trần Minh Đ, bà Trần Thị Y, bà Trần Thị H, bà Trần Thị Ch mỗi người phải chịu án phí số tiền là 3.438.429 đồng.

- Chị Trần Thị Mỹ Ng, anh Trần Thái Q, anh Trần Thái S cùng phải chịu án phí số tiền là 3.438.426 đồng.

- Ông Trần Tấn B, ông Trần Tấn L, ông Trần Tấn T cùng phải chịu án phí số tiền là 3.438.429 đồng.

10.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Do ông Trần Văn Tr là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí phúc thẩm.

11. Các phần khác của bản án sơ thẩm số 176/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu không bị kháng cáo kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thành phố Bạc Liêu;
- CCTHADS thành phố Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Tổ HCTP.
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Huỳnh Thị Kiều Anh